

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1453/2021/DS-ST
Ngày: 28/5/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hải Y

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc H
2. Bà Nguyễn Thị C

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu P – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Hoàng K

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 286/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1561/2021/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2273/2021/QĐST-DS ngày 05/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A.**

Địa chỉ: số X, đường Y, Phường Z, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Phú L - đại diện theo ủy quyền.

(Theo Giấy ủy quyền số 373/2020/GUQ – CN.ĐBP ngày 07/9/2020)

Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn Hoài T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: B lô C, khu phố E, phường F, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

(Ông L xin vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản làm việc và biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có ông Trần Phú L là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 26/12/2019 ông Nguyễn Văn Hoài T ký với Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Điện Biên Phủ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cụ thể như sau:

- Hạn mức sử dụng: 55.000.0000 đồng
- Mục đích: Tiêu dùng cá nhân
- Loại thẻ: Visa Platinum Cashback
- Số thẻ: 436438 – 6896
- Lãi suất trong hạn: 2.4%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông T đã thực hiện các giao dịch từ ngày 05/01/2020 đến ngày 26/10/2020 với tổng số tiền là 110.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 59.000.000 đồng (bao gồm vốn, lãi và lãi phạt).

Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ, do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 05/7/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 61.752.419 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3,6%/tháng (tương đương 150% của lãi suất trong hạn).

Tính đến ngày 28/5/2021 ông T còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc là 61.752.419 đồng
 - Nợ lãi quá hạn là: 24.231.681 đồng
- Tổng dư nợ là: 85.984.100 đồng.

Nay, Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Hoài T trả tổng cộng số tiền tính đến ngày 28/5/2021 là: 85.984.100 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 61.752.419 đồng và tiền lãi quá hạn là 24.231.681 đồng. Từ ngày 29/5/2021 tiền lãi vẫn tiếp tục phát sinh dựa trên áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại theo thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Hoài T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Văn Hoài T, sinh năm 1990, địa chỉ: B Lô D, khu phố E, phường F, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Theo kết quả xác minh ngày 21/10/2020 của Công an phường An Phú, thành phố Thủ Đức cho biết “ông Nguyễn Văn Hoài T, sinh năm 1990 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: B Lô D KPE, phường F, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện nay không cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ” do đó xác định đây là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/NQ – HĐTP/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A do ông Trần Phú L là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn Văn Hoài T vắng mặt không có lý do nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại địa chỉ số B Lô D, khu phố E, phường F, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, trụ sở Ủy ban nhân dân phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh đối với ông Nguyễn Văn Hoài T nhưng ông T vắng mặt không lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn Hoài T.

[4] *Về nội dung vụ án:* Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Hoài T trả tổng cộng số tiền tính đến ngày 28/5/2021 là: 85.984.100 (tám mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi bốn ngàn, một trăm) đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 61.752.419 (sáu mươi một triệu, bảy trăm năm mươi

hai ngàn, bốn trăm mười chín) đồng và tiền lãi quá hạn là 24.231.681 (Hai mươi tư triệu, hai trăm ba mươi một ngàn, sáu trăm tám mươi một) đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A: Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 26/12/2019). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cụ thể như sau:

- Hạn mức sử dụng: 55.000.0000 đồng
- Mục đích: Tiêu dùng cá nhân
- Loại thẻ: Visa Platinum Cashback
- Số thẻ: 436438 – 6896
- Lãi suất trong hạn: 2.4%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông T đã thực hiện các giao dịch từ ngày 05/01/2020 đến ngày 26/10/2020 với tổng số tiền là 110.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 59.000.000 đồng (bao gồm vốn, lãi và lãi phạt). Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ, do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 05/7/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 61.752.419 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3,6%/tháng (tương đương 150% của lãi suất trong hạn). Tính đến ngày 28/5/2021 ông T còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc là 61.752.419 đồng
- Nợ lãi quá hạn là: 24.231.681 đồng

Tổng dư nợ là: 85.984.100 đồng, và lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: Lãi suất trong hạn theo thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là 2,4%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là đúng theo thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Như vậy, từ ngày 05/7/2020 đến ngày 28/5/2021 thì lãi suất nợ quá hạn cụ thể là: 24.231.681 (Hai mươi bốn triệu, hai trăm ba mươi một ngàn, sáu trăm tám mươi một) đồng.

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Các bên tự nguyện thỏa thuận về mức tiền lãi, và được quy định trong hợp đồng. Theo thỏa

thuận thì tính từ thời điểm ông Cải vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì toàn bộ nợ gốc chuyển thành nợ quá hạn, lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 24.231.681 (hai mươi bốn triệu, hai trăm ba mươi một ngàn, sáu trăm tám mươi một) đồng. Do đó, số tiền lãi mà Ngân hàng TMCP A yêu cầu là có cơ sở chấp nhận. Kể từ ngày 29/5/2021 nếu ông T không trả, thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 26/12/2019.

[5] Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 121, Điều 122, Điều 342, 343, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Buộc ông Nguyễn Văn Hoài T có nghĩa vụ thanh toán tổng cộng số tiền tính đến ngày 28/5/2021 là 85.984.100 (tám mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi bốn ngàn, một trăm) đồng, bao gồm số tiền nợ gốc là 61.752.419 (sáu mươi một triệu, bảy trăm năm mươi hai ngàn, bốn trăm mười chín) đồng và tiền lãi quá hạn là 24.231.681 (hai mươi tư triệu, hai trăm ba mươi một ngàn, sáu trăm tám mươi một) đồng.

Kể từ ngày 29/5/2021 nếu ông T không trả, thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 26/12/2019.

Các bên Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Hoài T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.299.205 đồng (bốn triệu, hai trăm chín mươi chín ngàn, hai trăm lẻ năm) đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP A là 1.643.850 đồng (Một triệu, sáu trăm bốn mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0028018 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngân hàng TMCP A và ông Nguyễn Văn Hoài T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tp. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Hải Yến